TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 4 -2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy;

Ông Trần Thanh Bá.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Hà Phan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-ST ngày 29 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N, Vu Van, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 14520 M A # A W CA 92683 USA.

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Bị đơn: Bà Trần Mộng T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: tổ 6, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/9/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn N Vu Van trình bày:*

Anh N, Vu Van và chị Trần Mộng T có quen nhau do mai mối, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 08/01/2015. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2019 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không

thường xuyên gần nhau, hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Nên anh N, Vu Van đã về Mỹ sinh sống từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, anh N, Vu Van không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N, Vu Van yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N, Vu Van yêu cầu được ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Phước K, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, anh N, Vu Van đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, anh N, Vu Van không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về nợ chung và tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 04/ 4/2023 chị* Trần Mộng T *trình bày:*

Chị T thống nhất với anh N, Vu Van về điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống với nhau, do anh N, Vu Van định cư tại Mỹ nên vợ chồng ít có cơ hội gặp nhau. Kể từ khi sinh con, hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, thời gian đó anh N, Vu Van vẫn qua lại thăm con và cấp dưỡng tiền nuôi con. Nhưng từ khi cháu K được 3 tuổi, anh N, Vu Van không về thăm con và không cấp dưỡng nuôi con nữa.

Nay anh N, Vu Van yêu cầu được ly hôn chị đồng ý ly hôn;

-*Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Phước K, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu chị được nuôi dưỡng con chung, anh N, Vu Van có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 7.000.000đ/ tháng.

(Bảy triệu đồng một tháng)

- *Về nợ chung và tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyen Vu Van, cho anh N, Vu Van được ly hôn với chị Trần Mộng T. Về con chung: Giao cháu giao cháu Nguyễn Phước K, sinh ngày 28/8/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N, Vu Van được thăm nom, chăm sóc, giáo

dục con chung không ai được cản trở. Tài sản chung và nợ chung do chị T trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp "Xin ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/02/2023. Bị đơn có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Nguyên đơn anh N, Vu Van và bị đơn chị Trần Mộng T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 08/01/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh N, Vu Van và chị T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh N, Vu Van trình bày sau khi kết hôn anh và chị T thời Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2019 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thường xuyên gần nhau, hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Nên anh N, Vu Van đã về Mỹ sinh sống từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy mục đích cơ bản của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững; nhưng anh N, Vu Van và chị T đã ly thân nhiều năm, không còn liên lạc. Thêm vào đó, theo bản tự khai của chị T, chị cũng đã đồng ý ly hôn với anh N, Vu Van. Từ đó cho thấy chị T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh N, Vu Van. Như vậy, việc anh N, Vu Van xin ly hôn với chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Phước K, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang sống cùng chị T. Tại tờ tự khai chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ phù

hợp pháp luật vì cháu K từ khi sinh ra do mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy cần thiết giao cháu K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N, Vu Van được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

-Về việc cấp dưỡng nuôi con: tại phiên Tòa, chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, khi nào chị có yêu cầu thì thụ lý giải quyết, bằng vụ kiện khác.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh N, Vu Van khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Anh N, Vu Van phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về chi phí tố tụng: Anh N, Vu Van phải chịu chi phí tố tụng theo quy định. Anh N, Vu Van đã nộp xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 474; Khoản 5 Điều 477; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh N, Vu Van.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh N, Vu Van với chị Trần Mộng T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phước K, sinh ngày 28/8/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N Vu Van được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh N, Vu Van phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000362 ngày 21/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh N, Vu Van được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, chị Trần Mộng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Ngoan